TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2025/DS-ST
Ngày 14 - 5 - 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Liêm.

Ông Huỳnh Hoàng Khởi;

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Bích Như, là Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong các ngày 13, 14 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Võ Hữu N (Hoàng N); sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Ngô Phú T; sinh năm 1990 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau;

Ông Nguyễn Thanh T’; sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ ĐKTT: Ấp X, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ liên hệ: Công ty NT, thị trấn H, huyện B, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Huỳnh Phụng K, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ thường trú: đường B, khóm S, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Giữa ông và ông Ngô Phú T, ông Nguyễn Thanh T’ có mua bán tôm rất nhiều lần nhưng đã thanh toán xong. Đến tháng 11/2019 ông có bán tôm thẻ chân trắng cho ông Ngô Phú T, ông Nguyễn Thanh T’, ông T và ông T’ trực tiếp mua tôm tại ao. Trước đó ông T và ông T’ đã tạm ứng trước cho ông số tiền 150.000.000đ, sau khi nhận đủ số lượng tôm cần mua, ông T’ và ông T đối chiếu nợ số tiền nợ cần phải thanh toán là 558.038.940đ, hai bên có ký xác nhận

bảng đối chiếu công nợ ngày 31/12/2019. Sau đó, ông T', ông T tiếp tục thanh toán thêm nhiều lần đến nay còn nợ số tiền 258.000.000đ. Sau nhiều lần yêu cầu ông T', ông T thanh toán nhưng đều hứa hẹn và tránh mặt. Nay ông yêu cầu ông Ngô Phú T, Nguyễn Thanh T' cùng có trách nhiệm thanh toán cho ông tổng số tiền mua tôm còn thiếu là 258.000.000đ. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và được bổ sung tại phiên tòa, ông Ngô Phú T trình bày:

Ngày 20/11/2019 ông được ông Nguyễn Phước Duy P, không rõ địa chỉ, ông P giao kèo thỏa thuận mua bán tôm với ông N về giá cả, còn ông và ông T' là người làm thời vụ cho ông P chỉ đi nhận tôm và xác nhận số lượng, ông P thanh toán tiền. Do trước đó ông có mua bán nhiều lần với ông N và còn nợ ông N số tiền 93.204.420đ, sau đó đã thanh toán xong. Đến ngày 20/11/2019 ông P và ông N kêu ông nhận lô tôm giám sát trị giá 314.834.000đ. Trước khi đi ông có điện thoại hỏi ông N có thỏa thuận bán tôm với ông P chưa, ông N kêu ông xuống nhận tôm, ông và ông T' cùng đi nhận và có xác nhận giấy nợ cho ông N vào ngày 31/12/2019 để ông N gặp ông P thanh toán tiền, nhưng đến nay chưa thanh toán nên ông N khởi kiện ông và ông T'. Ông xác định chữ ký tại Bảng đối chiếu công nợ ngày 31/12/2019 là chữ ký của ông nhưng chỉ xác nhận lượng tôm đã mua. Nay ông N kiện yêu cầu ông và ông T' thanh toán số tiền 258.000.000đ ông không đồng ý. Ông xác định đây là khoản nợ của ông Nguyễn Phước Duy P.

- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và được bổ sung tại phiên tòa, ông Nguyễn Thanh T' trình bày:

Ông và ông T được lệnh của ông Nguyễn Phước Duy P điều đi mua tôm nguyên liệu của ông N, lúc đó ông chịu trách nhiệm về cân kéo, còn trả tiền thuộc về ông P phụ trách Công ty TL. Lúc này ông và ông T mua rất nhiều đại lý tại Đầm Dơi trong đó có ông N và đều ký nhận lượng và tiền, còn chi trả tiền cho đại lý thuộc về ông P, ban đầu trả vài chục triệu, sau đó không trả. Ông xác định bảng đối chiếu công nợ ngày 31/12/2019 là do ông và ông T ký tên nhằm xác nhận số lượng và tiền, thanh toán khoản nợ cho ông N thuộc về trách nhiệm của ông P. Địa chỉ cụ thể của ông P ông không biết.

- Tại bản tự khai và được bổ sung tại phiên tòa, bà Huỳnh Phụng K trình bày:

Vào khoảng năm 2019 – 2020 bà có cho ông Nguyễn Phước Duy P mượn nhà xưởng tại đường H, phường B, thành phố C. Tại đây, ông P hoạt động kinh doanh mua bán với nhiều đối tác, trong đó có ông Võ Hữu N. Khi hai bên mua bán còn nợ công nợ với nhau thì ông P có nhờ bà cho mượn tiền để chuyển trả cho ông N nhưng không nhớ bao nhiêu. Sau nhiều lần ông P, ông N tranh cãi với nhau, thấy hoàn cảnh ông P khó khăn do mua bán thua lỗ nên mỗi lần ông N đòi nợ là ông P mượn tiền bà, trong đó có cháu bà là Ngô Phú T. Bà xác định bà không liên quan gì đến việc mua bán tôm của ông N, ông T, ông P, ông T' nên bà không có trách nhiệm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự không cung cấp được địa chỉ cư trú của ông Nguyễn Phước Duy P nên không làm việc được và không đưa ông P tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Ông Võ Hữu N khởi kiện yêu cầu ông Ngô Phú T, Nguyễn Thanh T' cùng có trách nhiệm thanh toán số tiền mua tôm còn nợ 258.000.000đ. Ông Ngô Phú T, Nguyễn Thanh T' xác nhận số tiền mua tôm của ông N còn nợ là 258.000.000đ nhưng trách nhiệm thanh toán là của ông Nguyễn Phước Duy P.

Xét thấy: Tại phiên tòa các đương sự đều xác định thời điểm năm 2019 Công ty cổ phần thủy sản TL không còn hoạt động, ông T, ông T' không phải là nhân viên Công ty TL và xác định bị đơn chỉ làm thời vụ cho ông Nguyễn Phước Duy P. Các bên thừa nhận trước đó giữa ông Võ Hữu N và ông Ngô Phú T, ông Nguyễn Thanh T' có mua bán tôm rất nhiều lần nhưng đã thanh toán xong. Đến tháng 11/2019 ông N có bán tôm cho ông T, ông T' với số lượng, giá cả và được các bên kết toán tại Bảng đối chiếu công nợ ngày 31/12/2019, theo bảng đối chiếu thể hiện đại diện bên bán là Võ Hữu N, đại diện bên mua là Ngô Phú T, ông Nguyễn Thanh T', số tiền còn nợ 408.000.000đ, sau đó ông T có thanh toán 100.000.000đ phần nợ của ông T, bà K thanh toán thay cho ông P 50.000.000đ nên số tiền còn nợ lại là 258.000.000đ nên ông N kiện đòi ông T và ông T' cùng có trách nhiệm thanh toán. Đối với ông T, ông T' cho rằng khoản nợ 258.000.000đ là trách nhiệm của ông P, bị đơn chỉ đi mua tôm, xác nhận khối lượng và giá cả. Ngoài lời trình bày của các bị đơn thì không tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho việc ông P là người mua tôm và còn nợ ông N. Trong khi đó ông T, ông T' khai nội dung sự việc và khoản nợ ai phải thanh toán thiếu tính nhất quán, có lúc cho rằng Công ty TL, khi thì ông P, bà K.

Mặt khác, giữa ông T và ông N đã từng mua bán tôm với nhau thời gian dài và thanh toán đầy đủ, riêng đợt tôm lần sau cùng ông T cho rằng của ông P là thiếu tính thuyết phục. Bởi, giữa các bên không có văn bản thỏa thuận việc mua bán tôm hoặc hợp đồng mua bán, hợp đồng lao động, … và không văn bản nào thể hiện ông P là người mua tôm ông N.

Từ những phân tích đánh giá nêu trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông T, ông T' cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông N số tiền 258.000.000đ.

Đối với ông T, ông T' và ông P chứng minh được việc có mua bán tôm với nhau, nếu không thỏa thuận được số tiền mua bán và còn nợ, các bên có quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác khi phát sinh tranh chấp.

[3] Đối với việc bà K có chuyển khoản trả cho ông N số tiền 50.000.000đ bà xác định đây là khoản tiền bà cho ông P mượn nên bà và ông P tự thỏa thuận, không ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án nên không đề cập xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 26 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 430; 440; 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Ngô Phú T, ông Nguyễn Thanh T' cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Võ Hữu N tổng số tiền là: 258.000.000đ (Hai trăm năm mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày ông Võ Hữu N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Ngô Phú T, ông Nguyễn Thanh T' không thi hành xong khoản tiền trên, thì còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

+ Ông Ngô Phú T phải nộp 6.450.000đ (chưa nộp).

+ Ông Nguyễn Thanh T' phải nộp 6.450.000đ (chưa nộp).

+ Ông Võ Hữu N không phải nộp án phí. Vào ngày 09/01/2025 ông Võ Hữu N đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 6.450.000đ, tại lai thu số 0010140 được hoàn lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ;
- Lưu: Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)
Lê Thị Thu